TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 31-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trương Thị Lệ Thanh.**
2. Bà **Nguyễn Thị Quy.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Quách Kim Lân** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Huỳnh H (tên gọi khác: T) - sinh năm 1993, tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh A – sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thanh L – sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không, Tiền án: 02;

- Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai, xử phạt Huỳnh H 05 năm 06 tháng tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành tại Trại giam Thủ Đức.

- Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, xử phạt Huỳnh H 01 năm 06 tháng tù, về tội "Cố ý gây thương tích" (gây án trong Trại giam Thủ Đức thuộc huyện H, tỉnh Bình Thuận), đã chấp hành xong hình phạt tại Trại giam Thủ Đức ngày 04/12/2016.

Về nhân thân: Tại Bản án số 236/2017/HSPT ngày 18/9/2017 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù (y án sơ thẩm) về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị bắt, tạm giam ngày 15/3/2017 và đang chấp hành án tại Trại tạm giam B5 - Công an tỉnh Đồng Nai cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại: Anh **Nguyễn Đức T**– sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ B, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh A** – sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 13/3/2017, N điện thoại cho H rủ đi trộm cắp trên địa bàn huyện Q, H đồng ý. Sau đó, H đón xe buýt đi từ huyện T xuống nhà nghỉ "Hoàng Sự", thuộc xã N, huyện Q gặp N đang trọ tại phòng số 3 của nhà nghỉ. Tại đây, N rủ H đi trộm cắp xe môtô để bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô hiệu Wave màu đen (không rõ biển số) của N chở H ngồi sau, lưu thông theo Quốc lộ 20 đi lên thị trấn Định Quán để tìm nhà dân nào sơ hở có xe môtô sẽ trộm cắp. Trước khi đi, N chuẩn bị và mang theo 02 thanh đoản sắt, 01 chìa khóa 10 hình chữ L để phá khóa xe (N giấu trong túi quần). Khi đi ngang qua nhà ông Phạm Quốc D, thuộc khu phố H, thị trấn Đ, phát hiện xe môtô hiệu Air Blade biển số 60B3-065.00 của ông Nguyễn Đức T đang dựng xe môtô trước sân nhà không có người trông coi, cả hai bàn nhau trộm cắp chiếc xe này. N dừng xe bên ngoài và nói H đứng ở ngoài canh chừng, cách đó khoảng 20m để cho N đi vào dùng đoản sắt phá ổ khóa xe môtô của ông T rồi dắt ra phía ngoài đường nổ máy xe, N chạy chiếc xe môtô vừa trộm cắp về nhà nghỉ "Hoàng Sự" cất dấu. Còn H chạy chiếc xe Wave của N theo sau. Khi về tới nhà nghỉ, N tháo biển số 60B3-065.00 thay bằng biển số 60B4-525.32 mang cất giấu. Đến ngày 16/3/2017 người dân phát hiện chiếc xe môtô hiệu AirBlade nhãn hiệu Honda màu trắng đỏ đen biển số 60B4-525.32 đang để tại nghĩa địa giáo xứ L, thuộc ấp M, xã N nên đã báo cho Công an xã N thu giữ. Ngày 15/3/2017 Huỳnh H cùng Nguyễn Thanh T đang trộm cắp 01 xe môtô tại xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì bị bắt quả tang. Ngày 11/7/2017 Tòa án nhân dân huyện T xử phạt Huỳnh H 03 năm tù và Nguyễn Thanh T 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Quá trình điều tra bị cáo H khai nhận đã cùng N trộm cắp xe môtô hiệu Air Blade biển số 60B3-065.00 của ông Nguyễn Đức T.

Tài sản thiệt hại: 01 xe môtô Air Blade nhãn hiệu Honda màu trắng, đỏ, đen biển số 60B3 - 065.00, số máy: 27E-1048249, số khung: 09BY256453 (đã gắn biển số 60B4-525.32). Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Q ngày 03/5/2017, kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô trên là: 25.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố bị cáo Huỳnh H (T) về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, khoản 2, điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa trình bày luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt như sau:

Căn cứ vào điểm c khoản 2, Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh H (T) từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù của Bản án số 236/2017/HSPT ngày

18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

01 xe môtô Air Blade nhãn hiệu Honda màu trắng đỏ đen biển số 60B3 - 065.00, số máy: 27E-1048249, số khung: 09BY256453, đã thu hồi và trao trả cho ông Nguyễn Đức T là có cơ sở nên không xét.

Đối với biển số xe 60B3-065.00 của ông T bị trộm cắp, hiện vẫn chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với 01 biển số 60B4-525.32 là biển số xe của ông Hoàng Văn T bị trộm cắp vào ngày 25/8/2016 tại ấp H, xã O, huyện Q. Sau khi trộm cắp N mang gắn vào xe mô tô biển số 60B3-065.00 vừa trộm cắp được của ông T, nhằm tránh bị Cơ quan Công an phát hiện. Hiện N đã bỏ trốn, chưa làm việc được, nên tách ra xử sau.

Đối với điện thoại mà Huỳnh H khai N liên lạc để đi trộm cắp tài sản: Khi H trộm cắp trên địa bàn huyện T bị bắt và thu giữ điện thoại, do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho ông Huỳnh A (là bố của H). Sau đó, ông Huỳnh A đã làm mất điện thoại trên. Hiện Công an huyện Q đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa tìm được, khi nào tìm được sẽ xử lý sau.

Đối với 02 thanh đoản sắt, 01 chìa khóa 10 hình chữ L mà H và N sử dụng để gây án vào ngày 13/3/2017 và 01 xe hiệu Fuski biển số 60M4-4977 mà H và N dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản vào ngày 13/3/2017, H tiếp tục dùng làm công cụ và phương tiện trong vụ án khác và đã bị tuyên tịch thu tại Bản án số 43/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện T nên không xét.

Đối với Lê Thành Nhân đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, nên tiếp tục xác minh làm rõ khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng năng giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với bị cáo và không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

[2] Về tính hợp pháp những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và những người tham gia tố tụng cung cấp: Những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Những tài liệu chứng cứ do bị cáo, bị hại cung cấp là hợp pháp.

[3] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Căn cứ vào sự thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các tình tiết và vật chứng trong vụ án, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung thể hiện:

Vào khoảng 20 giờ ngày 13/3/2017, tại khu phố H, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai, Huỳnh H và Lê Thành N đã có hành vi trộm cắp của ông Nguyễn Đức T 01 chiếc xe môtô Air Blade nhãn hiệu Honda màu trắng đỏ đen biển số 60B3-065.00, trị giá tài sản thiệt hại là 25.000.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ để kết tội bị cáo và kết luận: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau:

Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trao trả cho chủ sở hữu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo đang phải thi hành án với hình phạt 03 năm tù của Bản án số 236/2017/HSPT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án mới để tuyên cho bị cáo, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của cả 02 bản án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:

- Việc trao trả tài sản thiệt hại cho chủ sở hữu của cơ quan cảnh sát điều tra là có căn cứ và tại phiên tòa người bị hại vắng mặt nhưng không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

- Đối với công cụ, phương tiện phạm tội đã được giải quyết trong Bản án số 43/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện T nên không xét.

- Đối với việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q tách ra để xác minh truy tìm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị tách và chờ kết quả điều tra sẽ xử lý các vấn đề sau: Biển số xe 60B3-065.00 và biển số 60B4-525.32, điện thoại mà Huỳnh H khai N liên lạc để đi trộm cắp tài sản. Xét việc tách của cơ quan Điều tra và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

- Đối với Lê Thành N đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, nên tiếp tục xác minh làm rõ khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[6] Bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng như người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh H** (tên gọi khác: T) phạm tội "**Trộm cắp tài sản**";

1. Về hình phạt

- Căn cứ vào điểm c khoản 2, Điều 138; điểm p, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Huỳnh H** (tên gọi khác:T) **03** (ba) **năm tù**.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tổng hợp với hình phạt **03** (ba) **năm** tù của Bản án số 236/2017/HSPT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **06** (sáu) **năm** tù. Thời hạn tù tình từ ngày 15/3/2017.

2. Về án phí:

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Định Quán;*
- *Công an huyện Định Quán;*
- *Chi cục THA dân sự Định Quán;*
- *Bị cáo; Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Văn Tuấn